

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PVC-U
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01-01-2023 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Ống PVC-U hệ Inch mở rộng
Tham chiếu theo TCVN 8491:2011 và tiêu chuẩn ISO 1452:2009
(TCCS 207:2022)

STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
1	Ø 21	21 x 1,3mm (41155)	12	8.400	9.240
		21 x 1,7mm (11739)	15	9.000	9.900
2	Ø 27	27 x 1,6mm (20204)	12	12.000	13.200
		27 x 1,9mm (40588)	15	13.900	15.290
3	Ø 34	34 x 1,9mm (50572)	12	17.400	19.140
		34 x 2,2mm (22023)	15	20.100	22.110
4	Ø 42	42 x 1,9mm (46706)	9	22.600	24.860
		42 x 2,2mm (44763)	12	25.700	28.270
5	Ø 49	49 x 2,1mm (46705)	9	28.400	31.240
		49 x 2,5mm (44764)	12	34.300	37.730
6	Ø 60	60 x 1,8mm (26808)	6	31.900	35.090
		60 x 2,5mm (44765)	9	43.300	47.630
7	Ø 90	90 x 1,7mm (37965)	3	41.700	45.870
		90 x 2,6mm (18529)	6	67.500	74.250
		90 x 3,5mm (30214)	9	87.800	96.580
8	Ø 114	114 x 2,2mm (18992)	3	73.400	80.740
		114 x 3,1mm (41552)	6	101.700	111.870
		114 x 4,5mm (32257)	9	142.100	156.310
9	Ø 168	168 x 3,2mm (54163)	3	155.500	171.050
		168 x 4,5mm (28511)	6	211.200	232.320
		168 x 6,6mm (32266)	9	304.900	335.390
10	Ø 220	220 x 4,2mm (27622)	3	259.600	285.560
		220 x 5,6mm (32246)	6	345.100	379.610
		220 x 8,3mm (32185)	9	494.600	544.060

Handwritten signature and date
27/12/22